



# Hộ quốc an dân - từ chiến trường đến cửa thiên

ISSN: 2734-9195

15:10 21/07/2026

Có thể khẳng định, nội hàm của tư tưởng “hộ quốc an dân” luôn được bổ sung theo yêu cầu của thời đại nhưng bản chất không thay đổi: đặt lợi ích quốc gia và hạnh phúc của nhân dân lên trên hết.

Lịch sử dân tộc đã nhiều lần chứng minh, mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, Phật giáo Việt Nam chưa bao giờ đứng ngoài cuộc. Có những tăng, ni cởi áo cà sa khoác chiến bào, có những ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng, có những người con Phật gửi lại tuổi thanh xuân nơi chiến trường để đổi lấy nền độc lập, tự do cho dân tộc.

Khi đất nước hòa bình, cũng có người lính trở về cửa Phật, tiếp tục phụng sự nhân dân bằng lòng từ bi và trí tuệ.

## Khi đất nước có chiến tranh, người tu hành không đứng ngoài lịch sử

Lịch sử hơn 2.000 năm của Phật giáo Việt Nam khẳng định chân lý nhất quán: Phật giáo chưa bao giờ đứng ngoài vận mệnh dân tộc.

Từ khi du nhập vào Việt Nam, đạo Phật không chỉ góp phần bồi đắp đời sống văn hóa, đạo đức và tâm linh, mà luôn đồng hành cùng đất nước trong những thời khắc cam go nhất.



(Ảnh: Internet)

Mỗi khi non sông lâm nguy, tinh thần từ bi không đồng nghĩa với sự lánh đời, mà được thể hiện bằng trách nhiệm nhập thế, chung sức bảo vệ Tổ quốc và gìn giữ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Từ thực tiễn ấy, tư tưởng “hộ quốc an dân” đã trở thành nét đặc sắc của Phật giáo Việt Nam.

Theo giáo lý, từ bi là bảo vệ sự sống, giảm bớt khổ đau và mang lại an lạc cho con người. Vì vậy, khi đất nước bị xâm lăng, bảo vệ độc lập dân tộc cũng chính là bảo vệ sự sống của nhân dân và gìn giữ môi trường hòa bình để con người được sống, tu học, hướng thiện. Đó không phải là sự mâu thuẫn với giáo lý từ bi, mà là sự hiện thực hóa tinh thần từ bi trong hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử.

Lịch sử nhiều lần chứng minh điều đó. Dưới các triều Lý - Trần, nhiều bậc cao tăng vừa là nhà tu hành, vừa là nhà tư tưởng và người tham gia hoạch định quốc sách.

Thiền sư Vạn Hạnh góp phần đặt nền móng cho triều Lý; vua Trần Nhân Tông sau khi lãnh đạo quân dân Đại Việt ba lần đánh bại quân Nguyên - Mông đã sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, kết hợp hài hòa giữa tinh thần giác ngộ và trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc.

Tinh thần nhập thế ấy tiếp tục được phát huy trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Hàng vạn tăng, ni, Phật tử tham gia chiến đấu, làm thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, cứu chữa thương binh, nuôi giấu cán bộ; nhiều ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng và không ít tăng, ni đã

anh dũng hy sinh, được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Liệt sĩ.

Những cống hiến ấy không xuất phát từ mệnh lệnh, mà từ nhận thức rằng vận mệnh của đạo pháp luôn gắn bó với vận mệnh dân tộc.

Khi đất nước mất độc lập, nhân dân chìm trong khổ đau thì cũng không thể có môi trường hòa bình để Phật pháp được hoàng truyền và phát triển. Vì thế, bảo vệ Tổ quốc cũng là bảo vệ điều kiện để con người được sống và hướng tới các giá trị chân - thiện - mỹ.

Có thể khẳng định, “hộ quốc an dân” không chỉ là khẩu hiệu, mà là truyền thống nhập thể bền vững của Phật giáo Việt Nam, luôn đặt lợi ích quốc gia và hạnh phúc của nhân dân lên trên hết.

Vì vậy, mỗi dịp tháng Bảy, bên cạnh tri ân các anh hùng liệt sĩ, chúng ta cũng tưởng nhớ những tăng, ni, cư sĩ và phật tử yêu nước đã hy sinh vì Tổ quốc.

Họ là minh chứng sinh động cho chân lý đã được lịch sử khẳng định: Người tu hành chân chính không đứng ngoài lịch sử, mà luôn đồng hành cùng dân tộc trong mọi bước ngoặt của non sông.

## **Tăng, ni cởi áo cà sa khoác chiến bào**

Lịch sử giữ nước của dân tộc không chỉ ghi dấu những chiến công của quân và dân Việt Nam, mà còn lưu giữ sự cống hiến thầm lặng của nhiều tăng, ni và phật tử đã xả cửa thiền để dấn thân vì Tổ quốc.

Họ nhận thức rằng, khi non sông bị xâm lăng, bảo vệ đất nước cũng chính là bảo vệ sự sống, bảo vệ nhân dân và gìn giữ môi trường để Phật pháp được trường tồn.

Vì vậy, nhiều người đã gác lại cuộc sống tu hành, tình nguyện lên đường theo tiếng gọi của non sông.



Ảnh tư liệu "Chuyện ni cô là chiến sĩ Biệt động Sài Gòn và nhà sư là cựu tù Hỏa Lò". Nguồn: Tuổi Trẻ Online

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hàng nghìn tăng, ni và Phật tử tham gia cách mạng bằng nhiều hình thức. Có người trực tiếp chiến đấu trong Quân đội nhân dân Việt Nam, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, quân y, giao liên; có người nuôi giấu cán bộ, vận chuyển lương thực, thuốc men, tài liệu và vũ khí.

Nhiều ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng, góp phần che chở cán bộ và nuôi dưỡng phong trào yêu nước giữa những năm tháng chiến tranh ác liệt.

Nhiều vị tăng vẫn khoác áo tu hành nhưng dùng chính ngôi chùa làm nơi cứu chữa thương binh, bảo vệ cán bộ cách mạng.

Cũng có người hoàn tục, cởi áo cà sa để khoác chiến bào, trực tiếp chiến đấu nơi tuyến lửa.

Đó không phải là sự từ bỏ lý tưởng tu hành, mà là sự lựa chọn xuất phát từ nhận thức rằng cứu nước cũng là cứu dân, bảo vệ độc lập dân tộc chính là thực hành hạnh nguyện từ bi trong hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử.

Có vị từng là tăng, ni và Phật tử đã vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường từ Việt Bắc, Trường Sơn đến miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và cả đất bạn Lào, Campuchia.

Có người được Tổ quốc ghi công, nhưng cũng còn nhiều người chưa xác định được nơi an nghỉ.

Phía sau mỗi phần mộ vô danh là sự hy sinh của một người con Phật đã gác lại con đường tu học để hoàn thành trách nhiệm với dân tộc.

Sự hy sinh ấy là minh chứng sinh động cho tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Đạo Phật không cổ vũ chiến tranh, nhưng khi hòa bình và sự sống của nhân dân bị đe dọa, người tu hành sẵn sàng dấn thân để ngăn chặn khổ đau lớn hơn.

Đó là sự lựa chọn bắt nguồn từ lòng từ bi và trách nhiệm, chứ không phải từ hận thù.

Ngày nay, mỗi lần một hài cốt liệt sĩ được đưa về với đất mẹ cũng là dịp để tưởng nhớ những tăng, ni và phật tử đã hy sinh vì độc lập dân tộc. Họ đã sống trọn tinh thần “đạo pháp đồng hành cùng dân tộc”, lấy việc phụng sự Tổ quốc làm sự tiếp nối của con đường phụng sự chúng sinh.

## **Từ người lính....trở thành nhà sư**

Nếu trong chiến tranh có những tăng, ni cởi áo cà sa khoác chiến bào, thì khi đất nước hòa bình lại có những người lính tìm đến cửa Phật như một sự tiếp nối hành trình phụng sự.

Hai con đường tưởng như khác nhau nhưng cùng gặp ở một điểm chung: Lấy con người làm trung tâm, lấy sự bình yên của đất nước và hạnh phúc của nhân dân làm mục đích.

Một bên cầm súng bảo vệ hòa bình, một bên hoằng dương Phật pháp để nuôi dưỡng hòa bình. Đó là hai phương diện của cùng một tinh thần “hộ quốc an dân”.

Sau chiến tranh, nhiều người lính trở về mang theo những vết thương thể xác và ký ức không thể phai mờ. Chính trải nghiệm về sự khốc liệt của chiến tranh và giá trị của hòa bình đã đưa không ít cựu chiến binh đến với Phật pháp để chữa lành tổn thương tinh thần, nuôi dưỡng tâm từ và tìm thấy ý nghĩa mới của cuộc đời.

Có người quy y Tam bảo, có người phát tâm xuất gia, dành phần đời còn lại để phụng sự Đạo pháp và nhân sinh.

Đó không phải là sự lánh đời, mà là sự tiếp tục cống hiến bằng một con đường khác.

Khi còn là người lính, họ bảo vệ Tổ quốc bằng ý chí chiến đấu; khi trở thành người tu, họ góp phần gìn giữ nền tảng đạo đức xã hội, hóa giải hận thù, xoa dịu nỗi đau chiến tranh và gieo mầm thiện lành trong lòng người.

Từ người bảo vệ biên cương, họ trở thành người gìn giữ “biên giới” của lương tri và đạo đức.

Ngày nay, nhiều ngôi chùa có những vị trụ trì từng là cựu chiến binh hoặc cựu thanh niên xung phong. Mang theo ký ức chiến tranh, họ càng thấu hiểu giá trị của hòa bình và tích cực giáo dục thế hệ trẻ về lòng yêu nước, sự hy sinh của các anh hùng liệt sĩ và đạo lý “uống nước nhớ nguồn”.

Trong các bài giảng và khóa tu, họ không chỉ truyền trao giáo lý của đức Phật mà còn kể lại những câu chuyện chân thực về chiến tranh để bồi đắp lòng biết ơn và ý thức trách nhiệm đối với Tổ quốc.

Nhiều tăng sĩ từng là người lính cũng tích cực tham gia các hoạt động tri ân như cầu siêu anh hùng liệt sĩ, chăm sóc nghĩa trang, thăm hỏi thương binh, bệnh binh, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và giúp đỡ gia đình có công.

Những người từng đi qua chiến tranh càng thấm thía giá trị của hòa bình, nên càng mong muốn lan tỏa tinh thần bao dung, hòa hợp và yêu thương, góp phần gìn giữ hòa bình bằng sức mạnh của đạo đức và lòng nhân ái.

Từ người lính đến người tu, từ chiến trường đến cửa thiền, tất cả đều gặp nhau ở một sứ mệnh chung: Phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân và phụng sự con người.

Đối với người học Phật, “an dân” trước hết là làm cho lòng người được an. Vì vậy, hoằng dương Phật pháp, giáo dục đạo đức, khuyến khích lối sống hướng thiện và gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống đều là những phương diện cụ thể của việc phụng sự đất nước trong thời bình.

Nội hàm của tư tưởng “hộ quốc an dân” được bổ sung theo yêu cầu của thời đại nhưng bản chất không thay đổi: đặt lợi ích quốc gia và hạnh phúc của nhân dân lên trên hết.

Hộ quốc trong kỷ nguyên mới không chỉ hiện diện nơi biên cương mà còn trong từng việc thiện vì cộng đồng, mỗi hành động gìn giữ đạo đức, bảo vệ sự thật lịch sử và mỗi nghĩa cử tri ân người có công đều là tiếp nối sinh động truyền thống “hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tác giả: **Vững Nguyễn**